

Bản án số: 25/2026/HNGĐ – ST

Ngày: 30/3/2026

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU 7 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hải.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng, bà Nguyễn Thị Tuyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 234/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn”, Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông Hoàng Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk) ngày 10/3/2011. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 01/2020, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, ông P đã bỏ đi khỏi địa phương cho đến

nay không trở về nhà. Mặc dù gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không xác định được tung tích của ông P ở đâu.

Bà T đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông P mất tích, đã được Toà án thụ lý, giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-VDS ngày 17/07/2025, tuyên bố ông Hoàng Văn P mất tích.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Bà T và ông P có hai con chung là Hoàng Quế C, sinh ngày 23/3/2006 và Hoàng Thị Cúc, sinh ngày 27/7/2007 đều đã trên 18 tuổi, có thể tự lao động nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hoàng Văn P đã được Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T. Cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn P.

Bà T và ông P có hai con chung là Hoàng Quế C, sinh ngày 23/3/2006 và Hoàng Thị Cúc, sinh ngày 27/7/2007 đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã Ea Ô) ngày 10/3/2011, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương xác định, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố mất tích đối với bị đơn tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-VDS ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk. Xét thấy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Con chung của nguyên đơn và bị đơn đều đã trên 18 tuổi, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn P.
2. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số 0003812 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà T đã nộp đủ án phí.
3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV 7 – Đắk Lắk;
- Đương sự;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải